

**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

Số: 680/NĐBR-TCKT

V/v Công bố thông tin hợp đồng kiểm toán số
8490/PwC-HCMC/HĐ/2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bà Rịa, ngày 07 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên TCPH: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
2. Tên giao dịch: Ba Ria Thermal Power Joint stock Company
3. Mã chứng khoán: BTP
4. Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT
5. Điện thoại: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Sàn giao dịch: HOSE
7. Người thực hiện CBTT: Bà Trần Thị Bảo Xuân. Điện thoại: 0963 735 566
8. Nội dung của thông tin công bố:
 - Hợp đồng kiểm toán số 8490/PwC-HCMC/HĐ/2022 được lập ngày 07/7/2022.
9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ Hợp đồng kiểm toán số 8490/PwC-HCMC/HĐ/2022: www.btp.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/BTP;
- Ban KS/BTP;
- P. KT&AT/BTP (Đăng Website BTP);
- Lưu: VT, TCKT.

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Trần Thị Bảo Xuân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHI TIẾT

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

Số: 8490/PwC-HCMC/HĐ/2022

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015,
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005,
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (“Công ty”) và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Căn cứ vào Dịch vụ đã được thỏa thuận tại hợp đồng khung được ký kết giữa Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần và Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Hôm nay, ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại TP. Hồ Chí Minh, hợp đồng kiểm toán được lập giữa (“Hợp đồng”):

BÊN A: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”)

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: 0254 2212 811 Fax: 0254 3825 985
Mã số thuế: 3500701305
Số tài khoản: 0321000941008, tại Ngân hàng TMCP An Bình - chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu
Đại diện bởi: Ông Lê Văn Huy
Chức vụ: Tổng Giám Đốc
theo Quyết định số 733/QĐ-NĐBR ngày 05/6/2020.

BÊN B: Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (“PwC”)

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +8428 3823 0796
Mã số thuế: 0100157406
Số tài khoản: VND: 3009523, tại Ngân hàng ANZ Việt Nam, chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh
39 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Quỳnh Vân Chức vụ: Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền: Ông Mai Viết Hùng Trân Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
theo giấy ủy quyền ngày 1 tháng 7 năm 2022, bản sao giấy ủy quyền có xác nhận của Bên B đính kèm theo Hợp đồng này.

Mỗi bên được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

Các Bên cùng nhau thỏa thuận và ký kết Hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán độc lập (sau đây được gọi tắt là “Dịch vụ”) sau khi Bên B được bổ nhiệm làm kiểm toán viên theo quy định của Bên A, chi tiết dịch vụ như sau:

- Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (sau đây gọi tắt là “VAS”);
- Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính (sau đây gọi tắt là “Báo cáo Tài chính”) được lập theo VAS.

Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục đích đưa ra báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ/ý kiến kiểm toán độc lập về Báo cáo Tài chính của Bên A.

Chi tiết nội dung, phạm vi và tiến độ thực hiện Dịch vụ được quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

Điều 2: Quyền và trách nhiệm của Các Bên

2.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

Người đại diện theo pháp luật, Ban Tổng Giám đốc của Bên A hiểu và xác nhận có trách nhiệm về việc:

- 2.1.1 Soạn lập các Báo cáo Tài chính thể hiện trung thực và hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam;
- 2.1.2 Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các Báo cáo Tài chính để các Báo cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp;

2.1.3 Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:

- tất cả các tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo Tài chính như chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, và các tài liệu liên quan khác (bao gồm nhưng không giới hạn biên bản cuộc họp Ban Tổng Giám đốc, Đại hội đồng Cổ đông hàng năm);
- các tài liệu, thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Bên A cung cấp hoặc giải trình để phục vụ mục đích của cuộc kiểm toán;
- quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán;
- nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán;

2.1.4 Đảm bảo các thông tin cung cấp cho Bên B là chính xác, trung thực, đầy đủ và thông báo ngay cho Bên B biết nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với những thông tin Bên A đã cung cấp cho Bên B;

2.1.5 Đảm bảo Bên B có quyền sử dụng hợp pháp đối với các thông tin hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba mà Bên A cung cấp cho Bên B để thực hiện Dịch vụ, nếu có;

2.1.6 Tuân thủ kế hoạch kiểm toán do Bên B đề xuất mà Bên A đã đồng ý;

2.1.7 Thực hiện những biện pháp đảm bảo hợp lý để bảo vệ tài sản của Bên A tránh những mất mát, thiệt hại và để ngăn chặn và phát hiện gian lận, nhằm lừa và việc không tuân thủ các quy định pháp luật;

2.1.8 Đồng ý không kiện cáo, khiếu nại các công ty khác trong mạng lưới của Bên B và các thành viên, giám đốc hoặc nhân viên của các công ty này khi các công ty này thay mặt Bên B thực hiện Dịch vụ. Các đơn vị này và nhân viên của họ có thể dựa vào điều này như là một bên trong Hợp đồng khi họ tham gia thực hiện Dịch vụ;

2.1.9 Mời Bên B tham dự tất cả cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hàng năm của Bên A trong trường hợp các cuộc họp đó có thảo luận về Báo cáo tài chính được kiểm toán, các vấn đề trực tiếp tác động đến Báo cáo Tài chính được kiểm toán, hoặc các vấn đề liên quan đến phạm vi công việc của Bên B.

2.1.10 Người đại diện theo pháp luật, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc soạn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và các công ty con.

2.1.11 Người đại diện theo pháp luật, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc”, về việc xác nhận trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh cho kỳ/năm hiện tại và cho các kỳ/năm trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo Tài chính;

2.1.12 Giám sát Bên B trong việc thực hiện Dịch vụ, có thông tin phản hồi kịp thời với Bên B nhằm giúp Bên B thực hiện công việc một cách thông suốt;

2.1.13 Thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 dưới đây.

2.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

2.2.1 Thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Bên B phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các Báo cáo Tài chính xét trên phương diện tổng thể, có sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo Tài chính. Các thủ tục thực hiện tùy thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo Tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của Báo cáo Tài chính;

2.2.2 Bố trí các nhân viên có trình độ và kỹ năng phù hợp theo Phụ lục 2 để thực hiện Dịch vụ;

2.2.3 Được quyền tiếp cận các nhân viên và Ban Tổng Giám đốc của Bên A để thu thập các bằng chứng kiểm toán và hồ sơ cần thiết;

2.2.4 Thực hiện Dịch vụ như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Tuy nhiên việc thực hiện Dịch vụ cũng sẽ phụ thuộc vào mức độ và chất lượng của các thông tin mà Bên A cung cấp cho Bên B và vào việc Bên A thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này;

2.2.5 Phát hành ý kiến kiểm toán cho cổ đông của Bên A về việc liệu các Báo cáo Tài chính của Bên A, xét trên các khía cạnh trọng yếu, có thể hiện trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Bên A tại ngày lập bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh, và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Bên A trong giai đoạn/niên độ kết thúc tại ngày đó, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày và soạn lập báo cáo tài chính tại Việt Nam.

2.2.6 Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, Các Bên đồng ý rằng có thể có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu của Báo cáo Tài chính mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

Điều 3: Giá trị Hợp đồng và thanh toán

3.1 Giá trị Hợp đồng

- Mức phí Dịch vụ của Bên B được ước tính dựa trên cơ sở mức độ trách nhiệm, trình độ chuyên môn của chuyên gia tham gia thực hiện và thời gian cần thiết để tiến hành công việc như kế hoạch đề ra.
- Mức phí Dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) là

Dịch vụ	Số tiền (VND)
Kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính của Công ty theo VAS	

- Mức phí Dịch vụ ước tính trên đây dựa trên cơ sở Bên A sẽ lập các Báo cáo Tài chính bằng tiếng Việt, các chứng từ kế toán, sổ sách và hồ sơ của Bên A được lưu giữ tốt và nhân sự của Bên A sẽ hỗ trợ đầy đủ cho Bên B trong suốt quá trình Bên B thực hiện Dịch vụ. Điều này cũng phụ thuộc vào việc Bên A hoàn thành và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin quy định tại "Tài liệu hỗ trợ khách hàng" (CAS). CAS liệt kê các thông tin mà Bên B phải có để có thể thực hiện Dịch vụ theo thời gian biểu mà Bên B đề xuất. Bên B sẽ cung cấp CAS cho Bên A trước khi bắt đầu thực hiện Dịch vụ.
- Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, nếu Bên B nhận thấy cần thiết phải mở rộng phạm vi Dịch vụ vì lý do không thể dự kiến trước vào thời điểm ký Hợp đồng này, thì Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A ngay khi tình huống này phát sinh và Các Bên sẽ thỏa thuận mức phí tăng thêm (nếu cần thiết).
- Nếu Bên B phải cung cấp các dịch vụ ngoài phạm vi hợp đồng theo quy định pháp luật thì Bên A sẽ hoàn trả các chi phí hợp lý mà Bên B phải chịu liên quan đến việc thực hiện các công việc này.



3.2 Thanh toán

Phí Dịch vụ sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B theo tiến độ công việc, như sau:

Tiến độ thanh toán	Giá trị
Tạm ứng: - Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và bên A nhận được Giấy đề nghị tạm ứng (bản gốc) và hóa đơn GTGT của Bên B	10% giá Kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính theo VAS
Thanh toán lần 1: - Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được: Báo cáo tài chính soát xét lập theo VAS, Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc) và hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên B	40% giá trị Kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính theo VAS
Thanh toán lần 2: - Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được: Báo cáo tài chính năm lập theo VAS, Thư quản lý theo VAS, Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc) và hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên B	50% giá trị Kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính theo VAS

Bất kỳ khoản phí nào chưa được thanh toán theo đúng thời hạn như quy định ở bảng trên sẽ được tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định có hiệu lực vào ngày Bên A thực hiện thanh toán cho Bên B và lãi suất sẽ được tính từ thời điểm quá hạn thanh toán cho đến thời điểm thanh toán thực tế. Tuy nhiên, Bên B có toàn quyền quyết định tạm ngưng cung cấp Dịch vụ nếu Bên A trì hoãn thanh toán quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Điều 4: Bảo mật

- 4.1 Bên B sẽ bảo mật tất cả thông tin mà Bên B nhận được từ Bên A theo Hợp đồng này và sẽ không tiết lộ trừ khi theo yêu cầu pháp luật hoặc cơ quan quản lý chuyên môn. Bên B có thể cung cấp thông tin cho công ty PwC và các bên khác liên quan đến Hợp đồng hoặc Dịch vụ trên cơ sở họ có nghĩa vụ bảo mật. Thông tin có thể được xử lý và chuyển đến các bên hỗ trợ vận hành và quản lý hệ thống quan hệ khách hàng của Bên B.
- 4.2 Hai bên cùng hợp tác thực hiện các nghĩa vụ tương ứng theo pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân. Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của Bên B nêu tại <https://www.pwc.com/vn/vn/about-us/privacy-statement.html>

Điều 5: Sở hữu trí tuệ

Các giấy tờ và hồ sơ kiểm toán liên quan đến việc kiểm toán và cung cấp Dịch vụ do Bên B tạo ra trong quá trình thực hiện và cung cấp Dịch vụ, kể cả các tài liệu và hồ sơ kiểm toán bằng điện tử, là tài sản sở hữu trí tuệ của riêng Bên B.

Điều 6: Báo cáo và tiến độ thực hiện Dịch vụ

6.1 Báo cáo

Ý kiến kiểm toán của Bên B chỉ nhằm cung cấp cho Bên A. Trừ khi Bên B đồng ý trước, hoặc trừ khi pháp luật yêu cầu, Bên A không được:

- cung cấp hoặc trao đổi về dịch vụ với bên khác; hoặc
- tham chiếu đến báo cáo kiểm toán của Bên B hoặc ghi tên/logo của Bên B trong những tài liệu phát hành rộng rãi của Bên A, hoặc công bố về Bên B hay Dịch vụ.

Nếu Bên A công bố hoặc thể hiện ý kiến kiểm toán của Bên B đi kèm với các Báo cáo Tài chính, hoặc đề cập đến Bên B trong các tài liệu có các thông tin khác, dưới hình thức bản in hay bằng phương tiện điện tử (bao gồm nhưng không giới hạn trên trang web), thì Người đại diện theo pháp luật của Bên A phải (a) cung cấp cho Bên B một bản dự thảo của tài liệu dự kiến phát hành hoặc công bố đó để Bên B xem xét, và (b) xin ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bên B để đưa báo cáo của Bên B vào tài liệu trước khi tài liệu này được hoàn chỉnh và công bố. Khi ý kiến kiểm toán của Bên B được tái hiện qua bất kỳ phương tiện truyền thông nào thì bắt buộc phải kèm theo toàn bộ các Báo cáo Tài chính, bao gồm cả phần thuyết minh.

6.2 Tiến độ thực hiện Dịch vụ

Hai bên sẽ thực hiện Dịch vụ theo tiến độ nêu tại Phụ lục 1. Tiến độ thực hiện công việc quy định tại Phụ lục 1 có thể thay đổi và sẽ được hai bên thảo luận và thống nhất trong quá trình làm việc.

Điều 7: Giới hạn trách nhiệm của Bên B

- 7.1 Bên B sẽ dựa vào thông tin do Bên A cung cấp theo quy định tại Điều 2.1 của Hợp đồng này để thực hiện Dịch vụ.
- 7.2 Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Bên B liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng không vượt quá ba lần mức phí của phần Dịch vụ phát sinh trách nhiệm đó.
- 7.3 Liên quan đến Dịch vụ và Hợp đồng này, Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý đối với (i) tổn thất, thiệt hại gián tiếp, ngẫu nhiên hoặc mang tính hệ quả, (ii) tổn thất về lợi nhuận, lợi thế thương mại, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tiết kiệm hoặc lợi ích ước tính, và (iii) mất mát hoặc hư hỏng dữ liệu.
- 7.4 Bên A đồng ý hoàn lại cho Bên B các khoản phát sinh đối với trách nhiệm pháp lý liên quan đến khiếu kiện của một bên khác về Dịch vụ hoặc Hợp đồng nếu lỗi do bên A gây ra.
- 7.5 Bên A đồng ý rằng bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng này sẽ là nghĩa vụ pháp lý chỉ của Bên B. Bên A đồng ý không khiếu kiện cá nhân nào của Bên B (kể cả do sơ suất).

Điều 8: Chấm dứt Hợp đồng

8.1 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên A

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên B bằng văn bản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và phải thông báo cho Bên B trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày làm việc, nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- Bên B không có chức năng cung cấp Dịch vụ theo quy định pháp luật và bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đình chỉ việc cung cấp Dịch vụ; hoặc
- Bên B không tuân thủ cam kết về bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 4 trên đây; hoặc
- Bên B không tuân thủ các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này và trong thời hạn 1 (một) tháng kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị khắc phục của Bên A, Bên B vẫn không khắc phục được việc không tuân thủ đó.

Quyền đòi bồi thường theo quy định này của Hợp đồng có thể được thực hiện bằng việc khấu trừ vào phí Dịch vụ khi thanh toán.

Nếu Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng không theo quy định tại Hợp đồng này, Bên A sẽ phải thanh toán toàn bộ khoản phí Dịch vụ và chi phí phát sinh thực tế đối với Bên B (kể cả chi phí phải trả cho nhân viên và các chi phí liên quan) cho đến ngày chấm dứt Hợp đồng.

8.2 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên B

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A bằng văn bản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và phải thông báo cho Bên A trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày làm việc, nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- Bên A không thanh toán phí Dịch vụ theo đúng thời gian thỏa thuận như quy định trong Hợp đồng này; hoặc
- Bên A không tuân thủ kế hoạch kiểm toán mà Các Bên đã nhất trí hoặc không đáp ứng các yêu cầu của Bên B để hoàn tất Dịch vụ một cách đúng đắn mà không có lý do chính đáng mặc dù Bên B đã có văn bản yêu cầu thực hiện.

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng ngay bằng văn bản thông báo cho Bên A trong trường hợp có những thay đổi của luật hoặc những trường hợp khác vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Bên B có thể dẫn đến việc Bên B không còn đảm bảo tính độc lập hoặc ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện nghĩa vụ của Bên B trong việc cung cấp Dịch vụ cho Bên A.

Nếu Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng không theo quy định tại Hợp đồng này, Bên B sẽ phải hoàn lại cho Bên A toàn bộ khoản phí Dịch vụ mà Bên B đã nhận của Bên A.

8.3 Hợp đồng cũng có thể chấm dứt hiệu lực trong trường hợp sau:

- do sự kiện bất khả kháng (là những sự kiện xảy ra không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết bao gồm nhưng không giới hạn những sự kiện như thiên tai, bão, lũ, động đất, bệnh dịch, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) mà một bên hoặc Các Bên không có khả năng tiếp tục thực hiện Hợp đồng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ gửi văn bản thông báo chấm dứt cho bên kia trước ít nhất 14 (mười bốn) ngày làm việc. Không bên nào chịu trách nhiệm với bên kia nếu không đáp ứng được các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện bất khả kháng; hoặc
- một bên bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể; hoặc
- khi có thỏa thuận chấm dứt giữa Các Bên.
- khi Các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng.

Để làm rõ, PwC sẽ không chịu trách nhiệm về việc chậm trễ hoặc không thực hiện được Dịch vụ do hoặc liên quan đến những hạn chế mà Chính phủ ban hành đối với dịch COVID-19. Trong những trường hợp đó, Các Bên sẽ thảo luận một cách thiện chí các giải pháp như sắp xếp lại việc triển khai thực hiện Dịch vụ, điều chỉnh phạm vi công việc, các chi phí bổ sung, dời hoặc gia hạn việc thực hiện. Nếu việc gia hạn là không khả thi hoặc nếu Các Bên không đạt được thỏa thuận, PwC có quyền chấm dứt Hợp đồng này ngay lập tức bằng văn bản thông báo mà không chịu phải trách nhiệm pháp lý, ngoại trừ đối với những vi phạm đã xảy ra trước đó. Trong trường hợp này, Bên A chỉ thanh toán phần công việc mà Bên B đã thực hiện.

Điều 9: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

- 9.1 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam.
- 9.2 Các Bên cam kết thực hiện Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và vì lợi ích của Các Bên. Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu tranh chấp không giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết chung cuộc bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam theo quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này.

Điều 10: Tuyển dụng nhân sự của Bên B

Trong vòng sáu tháng từ khi chấm dứt Hợp đồng này, Các Bên không được phép tuyển dụng nhân viên đã tham gia hoặc liên quan đến Dịch vụ của bên còn lại, trừ khi Bên còn lại đã đồng ý trước bằng văn bản.

Điều 11: Điều khoản chung

11.1 Trao đổi thông tin

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, việc trao đổi thông tin giữa Các Bên có thể thực hiện bằng lời nói, bằng email hoặc bằng văn bản. Báo cáo do Bên B trình cho Bên A theo từng giai đoạn của Dịch vụ sẽ luôn được thể hiện bằng văn bản.

Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, Bên B có thể cấp quyền truy cập cho nhân viên của Công ty đến một số hệ thống của Bên B. Công ty chấp nhận rằng nhân viên của Công ty có thể truy cập vào hệ thống của chúng tôi bằng bất cứ thiết bị truy cập web nào. Công ty đồng ý chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc:

- a) cung cấp thông tin của những nhân viên mà Công ty thấy cần truy cập vào hệ thống của Bên B và đảm bảo họ nhận biết và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều kiện truy cập;
- b) thông báo cho Bên B qua email khi nhân viên của Công ty thôi việc hoặc khi quyền truy cập của họ cần chấm dứt, và định kỳ rà soát quyền truy cập của các nhân viên để đảm bảo rằng nó vẫn còn phù hợp; và
- c) đảm bảo nhân viên của Công ty mã hóa thông tin mật khi cần thiết trước khi đưa lên hệ thống của Bên B.

11.2 Hiệu lực và thời hạn của Hợp đồng

Hợp đồng này xác lập toàn bộ thỏa thuận về Dịch vụ và có hiệu lực ưu tiên so với các tài liệu khác hoặc bản chào dịch vụ liên quan. Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký, thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Hợp đồng được xem là đã thanh lý sau khi Các Bên đã thực hiện xong các cam kết ghi trong Hợp đồng này, bao gồm việc Bên A thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B theo quy định hợp đồng.

11.3 Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Bất kỳ thay đổi hoặc bổ sung nào đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này phải được lập thành văn bản có xác nhận của Các Bên và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 4 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 2 (hai) bản gốc và có giá trị như nhau.



Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa



Mai Viết Hùng Trân
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG, PHẠM VI, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỊCH VỤ

A. Nội dung và phạm vi Dịch vụ

Bên B thực hiện Dịch vụ theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này và trên cơ sở sau:

- Các thủ tục kiểm toán của Bên B được thiết lập nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các Báo cáo Tài chính xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không. Có những hạn chế tiềm tàng trong việc thực hiện một cuộc kiểm toán, ví dụ, việc kiểm toán được dựa trên việc kiểm tra chọn mẫu do đó có thể không phát hiện hết được các sai sót trọng yếu, đặc biệt khi có hành vi che giấu thông qua sự thông đồng, giả mạo chứng từ và các hành vi phạm pháp hay lừa dối khác. Vì vậy, cuộc kiểm toán của Bên B chỉ cung cấp một sự đảm bảo hợp lý mà không phải là một sự đảm bảo tuyệt đối rằng các Báo cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu.
- Bản chất và mức độ kiểm tra của Bên B sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc Bên B đánh giá vấn đề nào là trọng yếu trong bối cảnh xem xét các Báo cáo Tài chính của Bên A, tùy thuộc vào đánh giá của Bên B về hệ thống kế toán của Bên A cũng như quyết định của Bên B về việc dựa vào hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.
- Vì trách nhiệm của Bên B là đưa ra ý kiến kiểm toán đối với tổng thể các Báo cáo Tài chính chứ không phải đối với một bộ phận hay đơn vị riêng lẻ, nên bản chất và mức độ kiểm tra cũng như yêu cầu của Bên B tại mỗi bộ phận hay đơn vị riêng lẻ sẽ khác nhau phụ thuộc vào đánh giá của Bên B trong các tình huống đó.
- Công việc thực hiện trong quá trình kiểm toán không được thiết kế để nhằm phát hiện các vấn đề mà quản lý cần quan tâm hoặc nhằm xác định tính đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm toán, nếu Bên B phát hiện có vấn đề quan trọng liên quan đến quản lý hoặc các khiếm khuyết lớn trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A, mà theo Bên B cần được Bên A quan tâm, thì Bên B sẽ báo cáo Bên A. Việc truyền đạt các vấn đề này (nếu có) sẽ được thực hiện bằng văn bản hoặc qua trao đổi bằng lời. Bất kỳ thông tin nào liên quan đến các vấn đề này, bao gồm cả các báo cáo bằng văn bản, đều không được cung cấp cho các bên thứ ba nào khác. Bên B sẽ không có nghĩa vụ hoặc chịu trách nhiệm với bất kỳ bên nào khác liên quan đến các thông tin hoặc các báo cáo như vậy.
- Ý kiến kiểm toán của Bên B chỉ nhằm phục vụ lợi ích của những người mà ý kiến kiểm toán được trình cho họ. Cuộc kiểm toán sẽ không được lập kế hoạch hoặc tiến hành với mục đích để cho bất kỳ bên thứ ba nào dựa vào đó, hoặc chú trọng vào một nghiệp vụ cụ thể nào đó. Do đó, sẽ có các khoản mục có thể được bên thứ ba quan tâm, nhưng không thuộc diện được Bên B đặc biệt chú ý, và có thể có các vấn đề được bên thứ ba diễn giải khác đi nhất là khi có liên quan một nghiệp vụ cụ thể.

- Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam yêu cầu Bên B phải đọc các báo cáo thường niên và các tài liệu khác có ý kiến kiểm toán của Bên B. Mục đích của việc này là nhằm xem xét liệu các thông tin khác trong báo cáo thường niên, bao gồm cả cách trình bày các thông tin trong đó, có nhất quán một cách trọng yếu với các thông tin trong Báo cáo Tài chính hay không. Bên B không có nghĩa vụ phải thực hiện việc xác minh các thông tin khác này như một phần của cuộc kiểm toán của Bên B.
- Bên B sẽ không được xem là đã được thông báo, về phương diện trách nhiệm kiểm toán, các thông tin mà Bên A đã cung cấp cho các công ty khác thuộc mạng lưới PwC, trừ những thông tin mà Bên A đã cung cấp cho những thành viên tham gia vào cuộc kiểm toán (ví dụ, thông tin cung cấp liên quan đến các dịch vụ tư vấn thuế).
- Ngoài ra, Bên B cũng sẽ tiến hành soát xét các Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho các giai đoạn có liên quan phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam áp dụng đối với các hợp đồng soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu Bên B phải lập kế hoạch, thực hiện soát xét nhằm có được sự đảm bảo ở mức độ thấp rằng liệu các Báo cáo Tài chính giữa niên độ có sai sót trọng yếu hay không. Việc soát xét được thực hiện chủ yếu qua việc phỏng vấn và áp dụng các thủ tục phân tích dữ liệu tài chính, do đó mức độ cung cấp đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Bên B không thực hiện kiểm toán các Báo cáo Tài chính giữa niên độ nên Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán. Tuy nhiên, Bên B sẽ báo cáo rằng, dựa trên việc soát xét của Bên B, liệu có vấn đề nào khiến Bên B cho rằng các Báo cáo Tài chính giữa niên độ của Bên A không được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế Toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.



B. Tiến độ thực hiện

	Ngày
• Bắt đầu soát xét BCTC giữa niên độ theo VAS	25/7/2022
• Phát hành dự thảo báo cáo soát xét giữa niên độ đối với báo cáo tài chính theo VAS	5/8/2022
• Bắt đầu công việc kiểm toán giữa niên độ hỗ trợ cho kiểm toán cuối niên độ	24/10/2022
• Bắt đầu công việc kiểm toán cuối niên độ	16/1/2023
• Phát hành dự thảo báo cáo kiểm toán đối với báo cáo tài chính	20/2/2023
• Phát hành dự thảo Thư quản lý	5/3/2023

Bên B sẽ lập và gửi trước cho bên A kế hoạch thực hiện Dịch vụ. Việc thực hiện Dịch vụ cũng sẽ phụ thuộc vào mức độ và chất lượng của các thông tin mà Bên A cung cấp cho Bên B. Bên A đảm bảo cung cấp thông tin cho bên B đầy đủ trước thời gian bên A thực hiện dịch vụ kiểm toán. Tiến độ thực hiện công việc có thể thay đổi và sẽ được hai bên thảo luận và thống nhất trong quá trình làm việc.

C. Các báo cáo cung cấp khi kiểm toán BCTC cho năm kết thúc ngày 31/12/2022

Thời hạn, hình thức, số lượng bản gốc phát hành các báo cáo cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2022 được quy định cụ thể như sau:

Đơn vị	BC01		BC04	BC05		BC06	BC08	BC10	BC11
Hình thức báo cáo	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản
Số lượng bản gốc	10	5	3	10	5	2	2	3	3
Ngôn ngữ	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
Thời hạn phát hành dự thảo báo cáo	25/2 năm sau		5/8 năm nay	5/8 năm nay		1/3 năm sau	20/2 năm sau	10/2 năm sau	1/2 năm sau
Thời hạn phát hành báo cáo chính thức	1/3 năm sau	31/3 năm sau	10/8 năm nay	10/8 năm nay	20/9 năm nay	5/3 năm nay	15/2 năm sau	15/2 năm sau	5/2 năm sau



Trong đó:

- BC01: Báo cáo kiểm toán cho báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- BC04: Báo cáo tổng hợp kết quả soát xét giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- BC05: Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- BC06: Danh mục bút toán điều chỉnh theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
- BC08: Thư quản lý theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
- BC10: Biên bản kiểm toán tại đơn vị
- BC11: Biên bản giám sát kiểm kê tại đơn vị

D. Yêu cầu về tỷ lệ số lượng các đơn vị được kiểm toán trực tiếp:

PwC tham gia kiểm toán trực tiếp tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa cho năm kết thúc ngày 31/12/2022.

E. Yêu cầu về số lượng kiểm toán viên, thời gian kiểm toán trực tiếp tại đơn vị được kiểm toán:

- Thời gian kiểm toán trực tiếp tại mỗi đơn vị: ít nhất từ 3 – 5 ngày.
- Nhân sự thực hiện kiểm toán trực tiếp tại đơn vị: ít nhất 01 kiểm toán viên.

F. Giám sát kiểm toán:

Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính của Tổng Công ty Phát điện 3 tham gia giám sát kiểm kê và giám sát kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 tại các đơn vị.